

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ QUẢNG YÊN
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 14/2023/HS-ST

Ngày 22 - 02 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG YÊN TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Phúc Định

Hội thẩm nhân dân: Ông Tô Duy Tông và ông Đinh Đức Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Huy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Duyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 07/2023/TLST-HS ngày 13 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 12/QĐXXST-HS ngày 07/02/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Văn L (tên gọi khác: Không); sinh ngày 30 tháng 10 năm 1994 tại huyện Ph L, tỉnh Thái Nguyên. Nơi thường trú: xóm Làng Bò, xã Ph M, huyện Ph L, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H và bà Bùi Thị L; có vợ là Hoàng Thị Th; có 01 con sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không; đầu thú ngày 25/11/2022, tạm giữ từ ngày 25/11/2022 đến ngày 01/12/2022, tạm giam từ ngày 01/12/2022, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Lê Văn M, sinh năm 1994; nơi thường trú: khu 6, phường H A, thị xã Q Y, tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

1. Anh Dương Văn H, sinh năm 1994; nơi thường trú: tổ 5 khu 7, phường B Ch, thành phố H L, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

2. Chị Hoàng Thị Th, sinh năm 1984; nơi thường trú: xóm Tiền Phong, thị trấn Đ C, huyện V Nh, tỉnh Thái Nguyên, vắng mặt tại phiên tòa.

3. Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1994; nơi thường trú: khu 6, phường H A, thị xã Q Y, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt cụ thể như sau: Do có quan hệ quen biết xã hội từ tháng

5/2022, anh Lê Văn M và vợ là chị Nguyễn Thị Th (cùng sinh năm 1994, trú tại khu 6, phường H A, thị xã Q Y, tỉnh Quảng Ninh) có nói chuyện và nhờ Phạm Văn L xin việc cho chị Th vào làm giáo viên tại Trường tiểu học H A, thị xã Q Y, tỉnh Quảng Ninh. Mặc dù không có nhiệm vụ và không quen biết ai công tác tại Bộ Công an và Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhưng L tự giới thiệu quen biết và nhờ được một người tên “M” giữ chức vụ Thứ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo có thể xin việc cho chị Th. L nói với anh M chỉ phí xin việc cho chị Th hết số tiền 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng) và được tuyển dụng trước ngày 02/9/2022. Anh M thường xuyên liên lạc với L qua các số điện thoại 03.7777.0034, 0326.188.662 và Zalo có tên “Có Tâm – Có Tầm”. Sau khi thống nhất, anh M chuyển tiền cho L qua tài khoản ngân hàng BIDV số “39010001369558” tên người thụ hưởng là PHẠM VĂN L. Cụ thể số lần anh M chuyển tiền cho L như sau: Ngày 22/7/2022, chuyển 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng); Ngày 24/7/2022, chuyển 10.000.000đ (Mười triệu đồng); Ngày 26/7/2022, chuyển 5.000.000đ (Năm triệu đồng); Ngày 29/7/2022, chuyển 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng); Ngày 05/8/2022, chuyển 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng); Ngày 13 và ngày 15/8/2022, anh M chuyển tiếp cho L 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) theo yêu cầu của L để L làm chi phí tiếp khách khi đi xin việc cho chị Th. Tổng số tiền anh M đã chuyển cho L là 239.000.000đ (Hai trăm ba mươi chín triệu đồng). Để anh M tin tưởng L đang làm các thủ tục để xin việc cho chị Th, nên L yêu cầu anh M gửi hồ sơ xin việc gồm Sơ yếu lí lịch, Giấy khám sức khỏe, Giấy chứng nhận tốt nghiệp đại học (Sao y bản chính) của chị Th đến công Trại sở Bộ Công an, Bộ Giáo dục và Đào tạo, sau đó trực tiếp L đến nhận hoặc L nhờ người khác đến nhận. Đến ngày 02/9/2022, anh M thấy chị Th chưa được đi làm tại Trường tiểu học H A nên đã nhiều lần yêu cầu L trả lại số tiền 239.000.000 đồng, nhưng L không trả, nên ngày 03/10/2022, anh M đến Công an thị xã Quảng Yên tố giác.

Ngày 25/11/2022, Phạm Văn L đến Công an thị xã Quảng Yên đầu thú, và khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Ngoài ra L còn khai nhận: Do không có tiền tiêu, nên khi thấy anh M đặt vấn đề muốn nhờ L xin việc cho vợ mình, L đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền, mặc dù không được giao nhiệm vụ và không có khả năng xin việc cho chị Th nhưng L vẫn nài ra các lý do để anh M tin tưởng giao tiền cho L.

Về bồi thường dân sự: Phạm Văn L chưa bồi thường cho anh Lê Văn M.

Bản Cáo trạng số 10/CT-VKSQY ngày 12/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Phạm Văn L về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ: điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Phạm Văn L từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù giam về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 25/11/2022;

Căn cứ: khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Phạm Văn L phải bồi thường cho anh Lê Văn M số tiền 239.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Do quen biết anh M qua anh H và được biết anh M có nhu cầu xin cho vợ là chị Nguyễn Thị Th (*cùng sinh năm 1994, trú tại khu 6, phường H A, thị xã Q Y, tỉnh Quảng Ninh*) vào làm giáo viên tại Trường tiểu học H A, thị xã Q Y, tỉnh Quảng Ninh. Mặc dù không có nhiệm vụ và không quen biết ai công tác tại Bộ Công an và Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhưng L tự giới thiệu quen biết và nhờ được một người tên “M” giữ chức vụ Thứ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo có thể xin việc cho chị Th. L nói với anh M chi phí xin việc cho chị Th hết số tiền từ 220.000.000đ đến 250.000.000đ và được tuyển dụng trước ngày 02/9/2022. Sau đó L đã nhiều lần yêu cầu anh M chuyển cho L với tổng số tiền là 239.000.000đ, sau khi nhận tiền L chi tiêu vào mục đích các nhân hết. Khi anh M đòi L không có tiền trả, anh M đã tố cáo L ra cơ quan công an và L đã đến cơ quan công an đầu thú và khai báo lại toàn bộ sự việc hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra có trong hồ sơ vụ án phù hợp với như nội dung vụ án đã nêu trên, bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình, thấy ăn năn hối cải. Lời nói sau cùng bị cáo đã thấy ân hận về hành vi phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

Bị hại anh Lê Văn M có lời khai tại phiên tòa: Do quen biết L qua anh H và do có nhu cầu xin cho vợ là chị Nguyễn Thị Th (*cùng sinh năm 1994, trú tại khu 6, phường H A, thị xã Q Y, tỉnh Quảng Ninh*) vào làm giáo viên tại Trường tiểu học H A, thị xã Q Y, tỉnh Quảng Ninh, thấy L tự giới thiệu quen biết và nhờ được một người tên “M” giữ chức vụ Thứ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo có thể xin việc cho chị Th, L nói với anh M chi phí xin việc cho chị Th hết số tiền từ 220.000.000đ đến 250.000.000đ và được tuyển dụng trước ngày 02/9/2022. Sau đó anh M đã nhiều lần gửi tiền cho L với tổng số tiền là 239.000.000đ, đến hẹn không thấy L xin được việc cho chị Th, anh M đã nhiều lần yêu cầu L trả lại tiền, nhưng L không trả, sau đó mất liên lạc với L, anh M đã tố cáo L ra cơ quan công an. Lời khai của anh M tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra có trong hồ sơ vụ án phù hợp với nội dung sự việc như đã nêu trên; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa anh M yêu cầu bị cáo L phải trả 239.000.000 đồng và xử hình phạt tù theo quy định của pháp luật;

Những người làm chứng: Anh Dương Văn H có lời khai tại cơ quan điều tra có trong hồ sơ vụ án phù hợp với nội dung sự việc như đã nêu trên thể hiện: Khoảng tháng 5/2022 anh H có mời L, anh M và một số người khác đến nơi ở trọ tại phường B Ch ăn cơm, trong bữa ăn L có nói quen biết nhiều lãnh đạo cấp cao có thể xin được việc cho nhiều người ở các lĩnh vực khác nhau, anh M nói rằng vợ anh M chuẩn bị tốt nghiệp ra trường và L nói rằng có khả năng xin được việc cho vợ anh M. Đến khoảng tháng 7/2022 anh M gọi anh H hỏi về L và xin số điện thoại, sau đó 2 người gặp mặt L nói rằng từ nay công việc xin việc cho vợ anh M thì L sẽ trao đổi trực tiếp với anh M anh H không cần tham gia, tôi chỉ biết L nhận lời xin việc cho vợ anh M với giá 220.000.000đ. Sau đó nhiều lần anh M chuyển tiền cho L mỗi lần đều nói với anh H, sau khoảng thời gian anh M gọi bảo L không xin được việc và nhờ anh H bảo L trả cho anh M hơn 220.000.000đ.

anh H có liên lạc với L nhưng L bảo đang ở Campuchia. Anh H không tham gia với L và không được hưởng lợi gì; chị Hoàng Thị Th có lời khai tại cơ quan điều tra có trong hồ sơ vụ án phù hợp với nội dung sự việc như đã nêu trên thể hiện: Khoảng tháng 5/2022 chị Th và L đến nơi anh H ở trọ tại phường B Ch ăn cơm, trong bữa cơm L có nói quen một số lãnh đạo nhà nước, sau đó một thời gian anh M gọi điện cho chị Th bảo L có cầm của anh M hơn 200.000.000đ để xin việc làm cho vợ anh M nhưng L không xin được, có lần L nhờ tài khoản của chị Th nhận hộ 10.000.000đ và không nói là tiền gì. Chị Th chưa bao giờ cùng L đi gặp anh M, cũng không biết việc giao dịch giữa L và anh M; chị Nguyễn Thị Th có lời khai tại cơ quan điều tra có trong hồ sơ vụ án phù hợp với nội dung sự việc như đã nêu trên thể hiện: Khoảng tháng 7/2022 chị Th nghe anh M nói có quen biết anh L có khả năng xin việc cho chị Th và bảo chị Th làm các giấy tờ gửi cho L, ngoài ra anh M cũng chuyển cho L 239.000.000đ chia làm nhiều lần theo yêu cầu của L với nhiều lý do để xin việc cho chị Th, nay đề nghị xử lý L theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các tài liệu, chứng cứ, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Quảng Yên, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên, của Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, không có ý kiến hoặc khiếu nại về các tài liệu, chứng cứ, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các tài liệu, chứng cứ, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc định tội đối với bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn L đều thừa nhận hành vi bị cáo đã thực hiện như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo Phạm Văn L tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại và những người làm chứng, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra công khai tại phiên tòa hôm nay. Bị cáo Phạm Văn L khẳng định việc truy tố đối với bị cáo là đúng người đúng tội; không oan, sai. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Trong thời gian từ tháng 7/2022 đến tháng 8/2022, Phạm Văn L có hành vi gian dối, nhận mình có các mối quan hệ quen biết có thể xin việc làm cho chị Nguyễn Thị Th, nên anh Lê Văn M (*chồng chị Th*) đã tin tưởng và chuyển tổng số tiền là 239.000.000 đồng cho L, sau đó L chiếm đoạt số tiền trên để sử dụng hết vào mục đích cá nhân. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên truy tố và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về hình phạt:

[3.1] Về tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản, đây là một trong những quyền được pháp luật Nhà nước bảo vệ, nguy hiểm cho xã hội gây mất trật tự trị an xã hội, bị cáo là người đã trưởng thành, có nhận thức đầy đủ về hành vi mình thực hiện là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì hám lợi, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới đảm bảo tính giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3.4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã đến cơ quan công an đầu thú, quá trình điều tra và tại phiên tòa có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn, hối cải, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[3.5] Về hình phạt chính: Từ những đánh giá, phân tích nêu trên, căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Để tăng cường biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm nói chung cũng như để giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo, cần có một hình phạt tương xứng đối với hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật để bị cáo trở thành người tốt, có ích cho gia đình và xã hội. Nhưng dù xem xét đến đâu cũng cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để răn đe cải tạo, giáo dục bị cáo để thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[3.6] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Phạm Văn L phải bồi thường cho anh Lê Văn M số tiền 239.000.000 đồng.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định;

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo Bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn L phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Xử phạt: bị cáo Phạm Văn L 07 (*Bảy*) năm 06 (*Sáu*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 25/11/2022.

2. Căn cứ: khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, khoản 3 Điều 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo

Phạm Văn L phải bồi thường cho anh Lê Văn M số tiền 239.000.000 đồng. *(Hai trăm ba mươi chín triệu đồng).*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Phạm Văn L phải nộp 200.000^d *(Hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm và 11.950.000 đồng *(Mười một triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm vào Ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo, căn cứ: Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo Phạm Văn L và bị hại anh Lê Văn M có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại;
- Tòa án ND tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát NDTX Quảng Yên;
- Cơ quan CSĐT Công an TX Quảng Yên;
- Cơ quan THAHS Công an TX Quảng Yên;
- Nhà tạm giữ Công an TX Quảng Yên;
- Chi cục THADS TX Quảng Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh.
- Lưu hồ sơ, VP./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Phúc Định